

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

**Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ
cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến
ngày 30 tháng 06 năm 2017**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11 – 12
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	13 – 33

1344
CÔNG
"KF"
CH
TH
H
VHF

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn là công ty cổ phần được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305858385 ngày 28 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy phép điều chỉnh, trong đó điều chỉnh thay đổi gần nhất lần thứ 08 ngày 27 tháng 06 năm 2011.

Vốn điều lệ 350.000.000.000 VND

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	86.525.000.000	24,72%
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí – IDICO	28.500.000.000	8,14%
Các cổ đông khác	234.975.000.000	67,14%
Cộng	350.000.000.000	100,00%

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-28) 39 301 980
Fax : (84-28) 39 301 982
E-mail : info@pvcsg.com.vn
Mã số thuế : 0305858385

Hoạt động chính của Công ty

- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); Khảo sát trắc địa công trình; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); Hoạt động trang trí nội thất; Hoạt động đo đạc bản đồ; Tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ khác; Tư vấn về môi trường;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

3. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong 06 tháng đầu năm 2017, Công ty tiếp tục bị lỗ 39.286.007.878 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 777.713.430.721 VND. Ngoài ra tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 451.824.797.952 VND. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty rất lớn.

Tuy nhiên, Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng khả năng thanh toán sẽ được cải thiện do Giám đốc đang dự kiến trình Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông về việc tăng vốn điều lệ cũng như đang tích cực thực hiện một loạt các giải pháp tổng thể liên quan đến việc tái cấu trúc nguồn vốn của Công ty. Theo đó Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2017 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**4. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và giám đốc**

Hội đồng quản trị và điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Chí Trung	Chủ tịch	26 tháng 10 năm 2012	-
Ông Trịnh Xuân Hùng	Phó Chủ tịch	26 tháng 10 năm 2012	-
Ông Trần Mạnh Dũng	Ủy viên	18 tháng 4 năm 2010	-
Ông Đỗ Mạnh Quân	Ủy viên	24 tháng 10 năm 2012	-
Ông Trần Đạo Đức	Ủy viên	01 tháng 10 năm 2012	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Bích Tư	Thành viên	tháng 3 năm 2011	-

Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Chí Trung	Giám đốc	26 tháng 10 năm 2012	-

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính giữa niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét thông tin tài chính giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2017 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2017 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Giám đốc cam kết rằng Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2017 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2017



Phan Chí Trung
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số: 033/2017/BCSX-PKF.HCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 11 năm 2017, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận trái ngược

Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét, chúng tôi vẫn chưa thu thập được bằng chứng cho các khoản mục sau:

Các khoản mục	Số dư cuối kỳ	Thuyết minh
Phải thu khách hàng	20.016.672.827	V.2
Trả trước người bán	22.377.003.859	V.3
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	76.950.120.956	V.4
Phải thu ngắn hạn khác	36.239.523.409	V.5
Phải trả người bán	114.139.085.160	V.15
Người mua trả tiền trước	15.349.765.338	V.16
Các khoản phải trả phải nộp khác	22.196.781.176	V.18

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty chưa ghi nhận khoản tiền lãi phát sinh chậm trả tiền hàng cho khoản nợ của các nhà cung cấp với tổng số tiền là 17.552.764.031 VND theo biên bản xác nhận công nợ giữa các bên.



Ngoài ra, Công ty chưa xem xét lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng và các khoản phải thu khác quá hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 với số tiền là 106.063.848.242 VND.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét, chúng tôi cũng chưa thu thập được Báo cáo dự án của chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại CT10-11 Văn Phú (thuyết minh V.12). Do đó, chúng tôi cũng chưa thể đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện của khoản đầu tư này.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, chi phí dở dang của các công trình đã dừng thi công là 84.605.123.698 VND. Các công trình này đang chờ quyết toán và chúng tôi cũng chưa thu thập đầy đủ bằng chứng cho tỷ lệ dở dang của các công trình tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2017.

Do tình hình hoạt động của Công ty tiếp tục bị lỗ 39.286.007.878 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 777.713.430.721 VND. Ngoài ra tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 451.824.797.952 VND. Trong đó, một số hợp đồng vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán và chúng tôi chưa thu thập các thỏa thuận cho phép gia hạn các khoản vay nói trên. Các khoản phải trả nhà cung cấp đã có quyết định thi hành án và chúng tôi cũng chưa thu thập được các bằng chứng liên quan đến việc gia hạn các khoản nợ. Những sự kiện này cho thấy có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và do đó Công ty có thể không có khả năng thực hiện giá trị tài sản hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả trong điều kiện hoạt động bình thường. Báo cáo tài chính vẫn được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

Kết luận trái ngược

Công việc soát xét của chúng tôi cho thấy rằng, mức ảnh hưởng trọng yếu của các vấn đề đã nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận trái ngược", Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH PKF Việt Nam**



Tô Bửu Toàn – Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1201-2016-242-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		453.593.469.222	464.807.145.870
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	654.272.187	956.369.050
1. Tiền	111		654.272.187	956.369.050
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		143.517.592.430	150.143.433.370
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	33.614.736.017	34.974.548.049
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	22.377.003.859	22.490.250.174
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.4	76.950.120.956	76.950.120.956
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	41.614.871.225	46.767.653.818
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(31.039.139.627)	(31.039.139.627)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		306.252.336.218	310.501.176.194
1. Hàng tồn kho	141	V.7	306.252.336.218	310.501.176.194
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.169.268.387	3.206.167.256
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	3.169.268.387	3.206.167.256
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.385.913.321	98.035.481.098
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.584.000.000	4.584.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	4.584.000.000	4.584.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.639.306.142	5.720.706.386
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	96.813.714	178.213.958
<i>Nguyên giá</i>	222		10.822.050.460	10.822.050.460
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10.725.236.746)	(10.643.836.502)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	5.542.492.428	5.542.492.428
<i>Nguyên giá</i>	228		23.896.770.800	23.896.770.800
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(18.354.278.372)	(18.354.278.372)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	17.371.855.835	19.284.024.417
<i>Nguyên giá</i>	231		45.997.944.600	45.997.944.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(28.626.088.765)	(26.713.920.183)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		468.906.022	468.906.022
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		468.906.022	468.906.022
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		66.704.653.920	66.704.653.920
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	4.000.000.000	4.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công ty khác	253	V.12	71.653.000.000	71.653.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13	(8.948.346.080)	(8.948.346.080)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		617.191.402	1.273.190.353
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	617.191.402	1.273.190.353
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		548.979.382.543	562.842.626.968

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		972.915.927.302	947.493.163.849
I. Nợ ngắn hạn	310		905.418.267.174	876.022.607.755
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	182.746.089.960	183.560.728.596
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	54.469.895.984	54.356.396.534
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	395.074.308	816.463.311
4. Phải trả người lao động	314		468.721.402	633.423.269
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	3.579.034.565
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	548.822.540.690	518.139.651.215
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	114.480.716.147	114.480.716.147
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.579.034.565	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		456.194.118	456.194.118
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		67.497.660.128	71.470.556.094
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	18.672.401.220	20.256.395.130
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	5.246.613.587	4.729.265.643
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	43.578.645.321	46.484.895.321
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		(423.936.544.759)	(384.650.536.881)
I. Vốn chủ sở hữu		410		(423.936.544.759)	(384.650.536.881)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.21	350.000.000.000	350.000.000.000
1a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		350.000.000.000	350.000.000.000
1b. Cổ phiếu ưu đãi		411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu		414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ		415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển		418	V.21	3.776.885.962	3.776.885.962
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421	V.21	(777.713.430.721)	(738.427.422.843)
11a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		421a		(738.427.422.843)	(672.534.280.914)
11b. LNST chưa phân phối năm nay		421b		(39.286.007.878)	(65.893.141.929)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		548.979.382.543	562.842.626.968

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2017

Phan Chí Trung
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B02a-DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	9.449.893.508	10.753.290.090
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9.449.893.508	10.753.290.090
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	20.898.644.299	8.624.315.538
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(11.448.750.791)	2.128.974.552
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.197.057	1.802.615
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	23.335.797.971	23.912.821.443
Trong đó: chi phí lãi vay	23		23.335.797.971	23.912.821.443
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	1.724.178.428	4.933.877.593
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(36.506.530.133)	(26.715.921.869)
11. Thu nhập khác	31		1.246.124.196	26.506.679
12. Chi phí khác	32	VI.5	4.025.601.941	374.472.727
13. Lợi nhuận khác	40		(2.779.477.745)	(347.966.048)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(39.286.007.878)	(27.063.887.917)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(39.286.007.878)	(27.063.887.917)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	(1.122)	(773)

001
TNH
NAI
NH
PHC
MINH
5 CX**Võ Phạm Như Nguyệt**
Kế toán trưởng**Phan Chí Trung**
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B02a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(39.286.007.878)	(27.063.887.917)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.8; VI.9; V.10	1.993.568.826	3.647.564.022
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.3	23.335.797.971	23.912.821.443
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(13.956.641.081)	496.497.548
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.662.739.809	30.505.062.626
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.248.839.976	(7.979.665.051)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.993.215.482	(6.380.803.028)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		655.998.951	3.487.439.798
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.604.153.137	20.128.531.893
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(2.906.250.000)	(1.629.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.906.250.000)	(1.629.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(302.096.863)	18.499.531.893
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	956.369.050	626.009.920
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	654.272.187	19.125.541.813



Võ Phạm Như Nguyệt
Kế toán trưởng



Phan Chí Trung
Giám đốc

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn là Công ty cổ phần được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305858385 ngày 28 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy phép điều chỉnh, trong đó điều chỉnh thay đổi gần nhất lần thứ 08 ngày 27 tháng 06 năm 2011.

Vốn điều lệ: 350.000.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-28) 39 301 980

Fax : (84-28) 39 301 982

E-mail : info@pvcsng.com.vn

Mã số thuế : 0305858385

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); Khảo sát trắc địa công trình; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); Hoạt động trang trí nội thất; Hoạt động đo đạc bản đồ; Tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ khác; Tư vấn về môi trường;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho 6 tháng đầu năm 2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Bất động sản tồn kho

Bất động sản tồn kho, chủ yếu là bất động sản được mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, được nắm giữ như hàng tồn kho và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm: quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng, phát triển dự án và chi phí vay, chi phí lập kế hoạch và thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng,... và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường kết thúc ngày kế toán, trừ chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá thành của hàng tồn kho ghi nhận trên kết quả hoạt động kinh doanh đối với nghiệp vụ bán được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của bất động sản bán đi và phân bổ các chi phí chung dựa trên diện tích tương ứng của bất động sản bán đi.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là tòa nhà văn phòng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 12 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian hữu dụng của chi phí. Thời gian phân bổ được xác định theo tính chất chi phí.

Chi phí chênh lệch tỷ giá trước hoạt động được phân bổ trong thời gian 5 năm.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

11. Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương, các khoản lương khoán theo năng suất và phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

12. Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Số: 80/XLDKSG

Tp.HCM, ngày 23 tháng 11 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ theo công văn số 1298/TB-SGDHN ngày 4/10/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc hạn chế giao dịch trên hệ thống Upcom đối với cổ phiếu của Công ty Cp Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (MCK: PSG), Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn bổ sung báo cáo tài chính đã soát xét như sau:

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.
2. Mã chứng khoán giao dịch: PSG
3. Địa chỉ trụ sở chính: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP. HCM.
4. Điện thoại: 08.39301980/81 Fax: 08.39301982
5. Nội dung công bố thông tin:
 - 5.1 Báo cáo tài chính 6 tháng từ ngày 1/1/2017 đến 30/6/2017 năm 2017 mẹ của Công ty Cổ phần Đầu và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn đã kiểm toán được lập vào ngày 10/11/2017 bao gồm: BCĐKT, BCKQHĐKD, BCLCTT.
 - 5.2 Báo cáo tài chính năm hợp nhất 6 tháng 2017 từ ngày 1/1/2017 đến 30/6/2017 của Công ty Cổ phần Đầu và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn đã kiểm toán được lập vào ngày 22/11/2017 bao gồm: BCĐKT, BCKQHĐKD, BCLCTTChúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố.
Với bổ sung hồ sơ trên, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn chấp thuận cho việc cổ phiếu PSG được giao dịch lại trên sàn Upcom.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Phan Chí Trung

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng năm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phải sinh có giá trị thanh toán cụ thể hoặc có thể xác định được và có ngày đáo hạn cụ thể mà công ty có ý định chắc chắn và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính không phái sinh được xác định là có sẵn để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. *Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu*

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	90.670.328	239.185.425
Tiền gửi ngân hàng	563.601.859	717.183.625
Cộng	654.272.187	956.369.050

2. Phải thu khách hàng

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	11.050.625.903	11.050.625.903
Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng TW	6.385.795.633	7.136.742.133
Công ty Cổ phần TM Hàng Da	4.006.475.728	4.006.475.728
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại MT	2.183.749.966	1.843.425.426
Ban QLDA Xây dựng Cung Hữu Nghị Việt Trung	1.807.658.600	1.807.658.600
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	1.768.144.433	1.768.144.433
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	1.305.961.700	1.305.961.700
Công ty Cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	440.397.626	1.019.658.962
Các khách hàng khác	4.665.926.428	5.035.855.164
Cộng	33.614.736.017	34.974.548.049

Trong đó, công nợ với các bên liên quan:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	1.305.961.700	1.305.961.700
Công ty Cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	440.397.626	1.019.658.962

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. Trả trước cho người bán

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	9.983.266.306	9.983.266.306
Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vị Thanh	4.079.692.538	4.079.692.538
Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc, kỹ thuật hạ tầng Và môi trường đô thị A.R.T.E.C (ARTEC)	1.451.955.415	1.451.955.415
Công ty TNHH Xây Dựng Điều Khắc Trang Trí Lạc Hồng	863.842.295	863.842.295
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Quản lý dự án Hà Nội	692.520.000	692.520.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải và xây dựng Hoàng Kim	392.080.000	392.080.000
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	378.000.000	378.000.000
Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Minh Phát	376.000.000	376.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Công Nghiệp Anh Vũ	365.200.000	365.200.000
Trung tâm kỹ thuật Tài Nguyên - Môi Trường tỉnh Hậu Giang	260.000.000	260.000.000
Công ty TNHH Thương Mại & Xây Dựng Tân Trí Cường	233.486.450	233.486.450
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo An	225.963.000	225.963.000
Cty TNHH M.E.C	205.000.000	205.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Phát Triển Thủ Thiêm	200.000.000	200.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.669.997.855	2.783.244.170
Cộng	22.377.003.859	22.490.250.174

Trong đó, công nợ với các bên liên quan:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	9.983.266.306	9.983.266.306
Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng và đô thị Dầu khí	378.000.000	378.000.000

4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công trình chung cư cao cấp Phú Mỹ quận 7	53.194.545.454	53.194.545.454
Công trình PV Power Landmark An Phú quận 2	12.151.324.088	12.151.324.088
Công trình Ngõ Gia Tự	5.545.454.545	5.545.454.545
Công trình 49 Lĩnh Nam	3.567.272.727	3.567.272.727
Các công trình khác	2.491.524.142	2.491.524.142
Cộng	76.950.120.956	76.950.120.956

5. Phải thu khác

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	41.614.871.225	46.767.653.818
Tạm ứng	701.787.329	10.515.464.330
Phải thu khác	40.913.083.896	36.252.189.488
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	4.584.000.000	4.584.000.000
Ký quỹ dài hạn	4.584.000.000	4.584.000.000
Cộng	46.198.871.225	51.351.653.818

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Trong đó, công nợ với các bên liên quan:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	93.192.000	93.192.000

6. Nợ xấu

30/06/2017			01/01/2017		
Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Dầu Khí Mỹ Trên 03 năm	11.050.625.903	-	Trên 03 năm	11.050.625.903	-
Phải thu theo tiến độ hợp đồng - Công trình chung cư cao cấp Phú Mỹ quận 7 Trên 03 năm	53.194.545.454	33.206.031.730	Trên 03 năm	53.194.545.454	33.206.031.730
Cộng	64.245.171.357	33.206.031.730		64.245.171.357	33.206.031.730

7. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	111.246.116	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	733.191.247	-
Chi phí SXKD dở dang	293.167.358.249	-	296.571.760.862	-
Hàng hóa bất động sản	13.084.977.969	-	13.084.977.969	-
Cộng	306.252.336.218	-	310.501.176.194	-

Chi tiết các công trình xây dựng dở dang

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự án Khu đô thị Hậu Giang ⁽¹⁾	208.562.234.551	198.191.040.042
Dự án Chung cư cao cấp Phú Mỹ Quận 7, TP.HCM	40.842.338.417	40.842.338.417
Dự án PV Power Landmark An Phú Quận 2, TP.HCM	17.744.541.947	17.744.541.947
Các dự án khác	26.018.243.334	39.793.840.456
Cộng	293.167.358.249	296.571.760.862

- ⁽¹⁾ Các lô đất thuộc dự án trên đã bị phong tỏa theo quyết định của tòa án để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (Xem thuyết minh V.19).



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.729.527.273	3.761.198.633	4.384.389.359	558.899.244	388.035.951	10.822.050.460
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.729.527.273	3.761.198.633	4.384.389.359	558.899.244	388.035.951	10.822.050.460
Trong đó:						
Khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.729.527.273	3.719.880.451	3.929.843.904	513.443.206	388.035.951	10.280.730.785
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.729.527.273	3.757.014.989	4.232.874.208	536.384.081	388.035.951	10.643.836.502
Khấu hao trong kỳ	-	3.443.182	75.757.576	2.199.486	-	81.400.244
Số cuối kỳ	1.729.527.273	3.760.458.171	4.308.631.784	538.583.567	388.035.951	10.725.236.746
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	-	4.183.644	151.515.151	22.515.163	-	178.213.958
Số cuối kỳ	-	740.462	75.757.575	20.315.677	-	96.813.714

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	23.896.770.800	18.354.278.372	5.542.492.428
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	23.896.770.800	18.354.278.372	5.542.492.428

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Là giá trị công trình tòa nhà tại 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	45.997.944.600	26.713.920.183	19.284.024.417
Khấu hao trong kỳ	-	1.912.168.582	-
Số cuối kỳ	45.997.944.600	28.626.088.765	17.371.855.835

Công trình tòa nhà trên đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (Xem thuyết minh V.19).

11. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Đầu tư Hải Đăng (^(*))	4.000.000.000	828.444.961	3.171.555.039	4.000.000.000	828.444.961	3.171.555.039
Cộng	4.000.000.000	828.444.961	3.171.555.039	4.000.000.000	828.444.961	3.171.555.039

(^(*)) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200717899 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 24 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư Hải Đăng tương đương 80% vốn điều lệ.

Tình hình tăng giảm khoản đầu tư công ty con:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Số đầu năm	4.000.000.000	30.701.119.282
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	(26.701.119.282)
Số cuối kỳ	4.000.000.000	4.000.000.000

12. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	3.035.000	30.350.000.000	3.035.000	30.350.000.000
Công ty Cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
Dự án chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại CT10-11 Văn Phú	-	34.303.000.000	-	34.303.000.000
Cộng		71.653.000.000		71.653.000.000

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Số đầu năm	8.948.346.080	14.418.818.786
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Số cuối kỳ	8.948.346.080	14.418.818.786

14. Chi phí trả trước

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí trả trước dài hạn	617.191.402	1.273.190.353
Công cụ dụng cụ	617.191.402	1.273.190.353
Cộng	617.191.402	1.273.190.353

15. Phải trả cho người bán

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí	27.300.469.925	27.300.469.925	27.300.469.925	27.300.469.925
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	18.049.275.368	18.049.275.368	18.049.275.368	18.049.275.368
Công ty Cổ phần Xây dựng và kinh doanh vật tư	11.920.033.539	11.920.033.539	11.920.033.539	11.920.033.539
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Công Nghệ Mới	7.465.135.126	7.465.135.126	7.465.135.126	7.465.135.126
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây Dựng Nền Móng Jikon (TP Hà Nội)	6.614.905.689	6.614.905.689	6.614.905.689	6.614.905.689
Lê Văn Nghĩa	6.076.071.982	6.076.071.982	6.076.071.982	6.076.071.982

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Công ty TNHH Phú Lê Huy	4.864.224.039	4.864.224.039	4.864.224.039	4.864.224.039
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Đại Phú Gia	4.621.489.000	4.621.489.000	4.621.489.000	4.621.489.000
Công ty Cổ phần hồng Hà Bình Dương	4.236.932.500	4.236.932.500	4.236.932.500	4.236.932.500
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sản xuất & Kinh Doanh Đức Việt	3.590.074.600	3.590.074.600	3.590.074.600	3.590.074.600
Công ty TNHH Safety	3.345.225.023	3.345.225.023	3.345.225.023	3.345.225.023
Công ty Xây dựng Dân dụng và CN Delta	3.188.014.750	3.188.014.750	3.188.014.750	3.188.014.750
Công ty Cổ phần BÊ TÔNG 6	3.026.284.800	3.026.284.800	3.026.284.800	3.026.284.800
Công ty TNHH tư vấn xây dựng SINO PACIFIC	3.009.716.249	3.009.716.249	3.009.716.249	3.009.716.249
Chi nhánh Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng SINO PACIFIC Long An	2.988.731.500	2.988.731.500	2.988.731.500	2.988.731.500
Chi nhánh Tổng Công ty XD và PT Hạ tầng - Công ty Kỹ thuật Nền Móng	2.839.596.080	2.839.596.080	2.839.596.080	2.839.596.080
Công ty TNHH Một Thành Viên Kinh doanh thép SMC	2.569.104.278	2.569.104.278	2.569.104.278	2.569.104.278
Cty TNHH Shing Da Quốc Tế	2.482.879.000	2.482.879.000	2.482.879.000	2.482.879.000
Chi nhánh công ty TNHH M.E.C	2.273.072.000	2.273.072.000	2.273.072.000	2.273.072.000
Công ty TNHH Cơ giới Trung Phú Hoa Việt	2.148.219.500	2.148.219.500	2.148.219.500	2.148.219.500
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và TM Dầu khí Sông Đà tại Hà Nội	1.966.032.834	1.966.032.834	1.966.032.834	1.966.032.834
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Đầu tư Thương Mại Việt Hàn	1.902.540.328	1.902.540.328	1.902.540.328	1.902.540.328
Công ty Cổ phần thi công cơ giới xây lắp Liftec Corporation	1.566.207.180	1.566.207.180	1.566.207.180	1.566.207.180
Công ty Cổ Phần VINAFACADE	1.526.687.800	1.526.687.800	1.526.687.800	1.526.687.800
Công ty Cổ phần thép và vật tư Hà Nội	1.466.382.000	1.466.382.000	1.466.382.000	1.466.382.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	1.390.732.488	1.390.732.488	1.390.732.488	1.390.732.488
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	1.249.626.652	1.249.626.652	1.277.626.652	1.277.626.652
Công ty Cổ phần Cơ Khí Chính Xác	1.205.860.000	1.205.860.000	1.205.860.000	1.205.860.000
Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội	1.108.023.510	1.108.023.510	1.108.023.510	1.108.023.510
Doanh Nghiệp Tư Nhân Thư Phúc	1.085.681.223	1.085.681.223	1.085.681.223	1.085.681.223
Các nhà cung cấp khác	45.668.860.997	45.668.860.997	46.455.499.633	46.455.499.633
Cộng	182.746.089.960	182.746.089.960	183.560.728.596	183.560.728.596

Trong đó, công nợ với bên liên quan:

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí	27.300.469.925	27.300.469.925	27.300.469.925	27.300.469.925

16. Người mua trả tiền trước

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Bất động sản xây lắp Dầu khí Việt Nam	34.533.839.484	34.586.832.198
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí (*)	9.377.451.536	9.377.451.536
Công ty Cổ phần PVI	4.587.850.523	4.587.850.523
Các khách hàng khác	5.970.754.441	5.804.262.277
Cộng	54.469.895.984	54.356.396.534

(*) Công nợ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**17.1 Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.169.268.387	3.169.268.387
Thuế nhà đất	-	36.898.869
Cộng	3.169.268.387	3.206.167.256

17.2 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	102.240.946	621.715.556
Thuế thu nhập cá nhân	185.761.532	194.747.755
Thuế nhà đất	107.071.830	-
Cộng	395.074.308	816.463.311

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng: 10%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Phải trả khác

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	548.822.540.690	518.139.651.215
Kinh phí công đoàn	92.023.884	833.475.492
Lãi vay phải trả	294.963.870.479	266.440.686.702
Lãi trả chậm nhà cung cấp	20.182.467.951	17.001.303.374
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - tiền chuyển nhượng dự án (*)	219.133.890.567	218.234.326.269
Phải trả phải nộp khác	14.450.287.809	15.629.859.378
Dài hạn	5.246.613.587	4.729.265.643
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.246.613.587	4.729.265.643
Cộng	554.069.154.277	522.868.916.858

(*) Công nợ các bên liên quan.

19. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2017		01/01/2017	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn	114.480.716.147	114.480.716.147	114.480.716.147	114.480.716.147
Ngân hàng TMCP Đại Dương ⁽ⁱ⁾	99.911.265.703	99.911.265.703	99.911.265.703	99.911.265.703
Ngân hàng phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	14.569.450.444	14.569.450.444	14.569.450.444	14.569.450.444
Vay dài hạn	43.578.645.321	43.578.645.321	46.484.895.321	46.484.895.321
Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	968.683.059	968.683.059	3.874.933.059	3.874.933.059
Ngân hàng TMCP Đại Dương ^(iv)	42.609.962.262	42.609.962.262	42.609.962.262	42.609.962.262
Cộng	158.059.361.468	158.059.361.468	160.965.611.468	160.965.611.468

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 0091/2011/HĐTD1-OCEANBANK03 ngày 12/10/2011, phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Khoản vay được đảm bảo thư bảo lãnh của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Số nợ gốc quá hạn: 99.911.265.703 đồng.
- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 148/10 ngày 30/08/2010 với hạn mức tín dụng 100 tỷ đồng; Bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng nguồn thu từ hợp đồng số 02/HĐKT/2010/PVPLS-PVC ngày 12/04/2010 và các phụ lục đính kèm giữa Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp dầu khí Sài Gòn. Số nợ gốc quá hạn: 14.569.450.444 đồng.

Theo Quyết định số 222/QĐ-CCTHA của Chi cục Thi hành án dân sự quận 3 buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh số tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 148/10/HĐTDHM/NH ngày 30/08/2010 và phụ lục hợp đồng số 01/PL-HĐTD ngày 21/04/2011 gồm số nợ gốc là 14.569.450.444 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 30/06/2017 là 26.367.220.290 đồng, tổng cộng là 40.936.670.734 đồng.

Lãi được tiếp tục tính trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày 29/06/2013 theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong từng khế ước đã ký kết cho đến khi trả xong nợ gốc.

Nếu đến hạn Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ trên thì Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh toàn bộ số tiền tương ứng do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn còn nợ chưa thanh toán.

- (iii) Khoản vay thuộc hợp đồng tín dụng số 0405/HMTD2-VIB625/10 ngày 22/04/2010; Thời hạn cho vay 60 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 3 tháng một lần; Mục đích tài trợ một phần dự án đầu tư mua quyền sử dụng tòa nhà 11 Bis Nguyễn Gia Thiều. Tài sản thế chấp là tòa nhà tại 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- (iv) Khoản vay thuộc hợp đồng tín dụng số 0063/2010/HDDTD1-OCEANBANK03 ngày 04/10/2010; Thời hạn cho vay 48 tháng; Lãi suất lần giải ngân đầu 15% và điều chỉnh 03 tháng 1 lần; Mục đích vay: đầu tư mua máy móc thiết bị. Tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị được hình thành từ vốn vay. Số dư cuối năm gồm cả khoản vay được chuyển từ PVFC sang theo Hợp đồng mua, bán khoản nợ số 11/2012-HĐMBN-TCĐK-CN HCM.QLTD ngày 30/08/2012.
- Hợp đồng tín dụng số 18/2009/HDDTD-TCĐK-CN HCM.TD ngày 17/10/2009; lãi suất lần giải ngân đầu 15% và điều chỉnh 03 tháng 1 lần; mục đích vay: Mua lại khoản nợ từ Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí; Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành trong tương lai (giai đoạn 1) của Dự án Đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3 Phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của bên vay, Chứng thư bảo lãnh thanh toán của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam cho bên vay.

Tình hình biến động các khoản vay ngắn hạn như sau:

	01/01/2017	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	30/06/2017
Vay ngắn hạn	114.480.716.147	-	-	114.480.716.147
Ngân hàng TMCP Đại Dương ⁽ⁱ⁾	99.911.265.703	-	-	99.911.265.703
Ngân hàng phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	14.569.450.444	-	-	14.569.450.444
Vay dài hạn	46.484.895.321	-	(2.906.250.000)	43.578.645.321
Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	3.874.933.059	-	(2.906.250.000)	968.683.059
Ngân hàng TMCP Đại Dương ^(iv)	42.609.962.262	-	-	42.609.962.262
Cộng	160.965.611.468	-	(2.906.250.000)	158.059.361.468

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

20. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Doanh thu nhận trước về cho thuê văn phòng	9.190.063.859	10.774.057.769
Doanh thu nhận trước bán bất động sản	8.982.337.361	8.982.337.361
Doanh thu chưa thực hiện tại chi nhánh Hà Nội	500.000.000	500.000.000
Cộng	18.672.401.220	20.256.395.130

21. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	350.000.000.000	3.776.885.962	(738.427.422.843)	(384.650.536.881)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(39.286.007.878)	(39.286.007.878)
Số cuối kỳ	350.000.000.000	3.776.885.962	(777.713.430.721)	(423.936.544.759)

Chi tiết vốn chủ sở hữu tại ngày 30/06/2017 như sau:

	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông		
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	86.525.000.000	24,72%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí – IDICO	28.500.000.000	8,14%
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	2.971.000.000	0,85%
Các cổ đông khác	232.004.000.000	66,29%
Cộng	350.000.000.000	100,00%

Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Doanh thu cho thuê nhà	8.975.135.115	8.740.396.213
Doanh thu khác	474.758.393	2.012.893.877
Doanh thu thuần	9.449.893.508	10.753.290.090

Trong đó, doanh thu các bên liên quan:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	661.234.257	1.343.530.104

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Giá vốn dịch vụ cho thuê nhà	6.553.723.641	6.307.756.977
Giá vốn khác	569.323.536	2.316.558.561
Giá vốn hoạt động xây lắp	13.775.597.122	-
Cộng	20.898.644.299	8.624.315.538

3. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay trong kỳ.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Chi phí nhân viên	722.536.500	886.088.800
Chi phí nguyên vật liệu	368.872.164	3.126.076.542
Chi phí khấu hao	5.642.668	188.730.603
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.513.824	122.844.207
Chi phí bằng tiền khác	539.613.272	610.137.441
Cộng	1.724.178.428	4.933.877.593

5. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lãi trả chậm nhà cung cấp	3.181.164.577	-
Chi phí khác	844.437.364	374.472.727
Cộng	4.025.601.941	374.472.727

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(39.286.007.878)	(27.063.887.917)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(39.286.007.878)	(27.063.887.917)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	35.000.000	35.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.122)	(773)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	35.000.000	35.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông biến động	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	35.000.000	35.000.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cổ đồng sáng lập
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí – IDICO	Cổ đồng sáng lập
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Cổ đồng sáng lập
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu khí Nha Trang	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	Công ty nhận vốn góp

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	661.234.257	1.343.530.104
Lãi vay phát sinh	899.564.298	909.559.458
Nhận cung cấp dịch vụ	-	147.855.050
Công ty Cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí		
Cung cấp dịch vụ	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí – IDICO		
Cung cấp dịch vụ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí		
Phải thu tiền ứng trước công trình xây lắp	378.000.000	378.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Nha Trang		
Phải thu cung cấp dịch vụ	1.305.961.700	1.305.961.700
Công ty Cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí		
Phải thu cung cấp dịch vụ	440.397.626	1.019.658.962
Phải thu tiền ứng trước dịch vụ xây lắp	9.983.266.306	9.983.266.306
Phải thu chi phí dịch vụ	93.192.000	93.192.000
Cộng nợ phải thu	12.200.817.632	12.780.078.968
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam		
Phải trả tiền chuyển nhượng dự án	179.912.859.769	179.912.859.769
Phải trả lãi vay	17.773.510.798	15.044.832.426
Chi trả hộ nợ vay ngân hàng	-	6.669.410.000
Tạm ứng công trình Viện Dầu Khí	21.447.520.000	21.447.520.000
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí		
Phải trả tiền ứng trước công trình xây lắp	9.377.451.536	9.377.451.536
Cộng nợ phải trả	228.511.342.103	232.452.073.731

2. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Trong 6 tháng đầu năm 2017 Công ty tiếp tục bị lỗ 39.286.007.878 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 777.713.430.721 VND. Ngoài ra tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 451.824.797.952 VND. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty rất lớn.

Tuy nhiên, Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng khả năng thanh toán sẽ được cải thiện do Giám đốc đang dự kiến trình Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông về việc tăng vốn điều lệ cũng như đang tích cực thực hiện một loạt các giải pháp tổng thể liên quan đến việc tái cấu trúc nguồn vốn của Công ty. Theo đó Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2017 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	654.272.187	956.369.050	654.272.187	956.369.050
Phải thu khách hàng	33.614.736.017	34.974.548.049	22.564.110.114	23.923.922.146
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	76.950.120.956	76.950.120.956	56.961.607.232	56.961.607.232
Đầu tư tài chính ngắn/dài hạn	75.653.000.000	75.653.000.000	66.704.653.920	66.704.653.920
Các khoản phải thu khác	45.497.083.896	51.351.653.818	45.497.083.896	51.351.653.818
Cộng	232.369.213.056	239.885.691.873	192.381.727.349	199.898.206.166

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán	182.746.089.960	183.560.728.596	182.746.089.960	183.560.728.596
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	158.059.361.468	160.965.611.468	158.059.361.468	160.965.611.468
Phải trả khác	554.069.154.277	526.447.951.423	554.069.154.277	526.447.951.423
Cộng	894.874.605.705	870.974.291.487	894.874.605.705	870.974.291.487

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Đơn vị tính: VND

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	654.272.187	-	654.272.187
Phải thu khách hàng	22.564.110.114	11.050.625.903	33.614.736.017
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	56.961.607.232	19.988.513.724	76.950.120.956
Đầu tư tài chính ngắn/dài hạn	66.704.653.920	8.948.346.080	75.653.000.000
Các khoản phải thu khác	45.497.083.896	-	45.497.083.896
Cộng	192.381.727.349	39.987.485.707	232.369.213.056

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	956.369.050	-	956.369.050
Phải thu khách hàng	23.923.922.146	11.050.625.903	34.974.548.049
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	56.961.607.232	19.988.513.724	76.950.120.956
Đầu tư tài chính ngắn/dài hạn	66.704.653.920	8.948.346.080	75.653.000.000
Các khoản phải thu khác	51.351.653.818	-	51.351.653.818
Cộng	199.898.206.166	39.987.485.707	239.885.691.873

5. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh toán. Rủi ro thanh toán của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh toán thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Phải trả cho người bán	182.746.089.960	-	182.746.089.960
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	114.480.716.147	43.578.645.321	158.059.361.468
Phải trả khác	548.822.540.690	5.246.613.587	554.069.154.277
Cộng	846.049.346.797	48.825.258.908	894.874.605.705
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	183.560.728.596	-	183.560.728.596
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	114.480.716.147	46.484.895.321	160.965.611.468
Phải trả khác	521.718.685.780	4.729.265.643	526.447.951.423
Cộng	819.760.130.523	51.214.160.964	870.974.291.487

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 09a-DN

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2017



Võ Phạm Như Nguyệt
Kế toán trưởng



Phan Chí Trung
Giám đốc

